

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HS-ST

Ngày: 09/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Đình Hiền.

2. Ông Đào Văn Ngà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn Nh**, sinh năm 1969, tại: xã HC, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Thôn T, xã HC, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Văn Ch và bà: Phạm Thị M (đều đã chết); Vợ: Trịnh Thị H, sinh năm 1968; Có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Tạ Thị Th, sinh năm 1951 “*Vắng mặt*”

Địa chỉ: Thôn Đ, xã LH, huyện M, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1974 “*Có mặt*”

- Anh Nguyễn Sinh C, sinh năm 1995 “*Vắng mặt*”

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã NT, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy Gg, sinh năm 1952 ở thôn C, xã NT, huyện TL, tỉnh Hưng Yên là bạn đồng ngũ với Bà Tạ Thị Th, Gg có quen biết với Vũ Văn Nh. Cả Gg và Nh đều làm lao động tự do, không có chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền gì về công tác tổ chức cán bộ. Vào khoảng tháng 4 năm 2016, Bà Th nói chuyện với Gg về việc muốn chuyển việc cho con gái bà Th là chị Dương Thị Th1 hiện là giáo viên ở tỉnh Lai Châu về dạy học ở huyện M, tỉnh Hải Dương. Sau đó, Gg hỏi Nh có quen biết ai không để xin chuyển công tác cho chị Th1 thì Nh đồng ý. Nh nói với Gg là chắc chắn xin chuyển công tác được cho chị Th1 về trường cấp I xã H, huyện M, tỉnh Hải Dương chi phí hết 150.000.000 đồng nhưng do Gg trình bày hoàn cảnh khó khăn của gia đình bà Th nên Nh đồng ý giảm giá xuống còn 145.000.000 đồng. Gg và Nh thống nhất với nhau thanh toán tiền làm 02 đợt, đưa trước 100.000.000 đồng còn 45.000.000 đồng khi nào có quyết định chuyển được việc thì thanh toán nốt. Gg liên hệ với bà Th nói bản thân có nhiều mối quan hệ và đã nhờ được người khác chắc chắn đến tháng 5 hoặc tháng 6 năm 2016 là xin chuyển được việc cho chị Th1 với tổng chi phí là 145.000.000 đồng, bà Th nhất trí. Đến ngày 14/4/2016 tại nhà Gg ở xã NT, huyện TL, bà Th đã đưa cho Gg số tiền 120.000.000 đồng và ngày 20/5/2016 bà Th tiếp tục đưa cho Gg số tiền 25.000.000 đồng, mỗi lần nhận tiền Gg đều viết giấy biên nhận lại cho bà Th thể hiện rõ nội dung là tiền xin chuyển việc. Sau khi nhận đủ số tiền 145.000.000 đồng của bà Th, Gg đến nhà Nh đưa cho Nh số tiền 100.000.000 đồng (có viết giấy biên nhận nội dung là tiền xin chuyển việc) theo đúng như thỏa thuận ban đầu, còn Gg giữ lại số tiền 45.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Đến thời hạn như đã thỏa thuận trước đó với Gg, bà Th liên tục hỏi Gg về việc đã xin chuyển công tác cho chị Th1 chưa thì Gg lại hỏi Nh và đưa bà Th đến gặp Nh thì được Nh hứa hẹn nhiều lần chắc chắn đến Tết âm lịch năm 2017 là sẽ xin được nhưng kết quả vẫn không xin chuyển được công tác cho chị Th1. Thấy vậy bà Th đã nhiều lần yêu cầu Gg và Nh phải trả lại bà toàn bộ số tiền 145.000.000 đồng nhưng cả Gg và Nh không trả lại số tiền trên cho bà Th mà tiếp tục hứa hẹn hết lần này đến lần khác về việc sẽ chuyển được công tác cho chị Th1.

Quá trình điều tra, Vũ Văn Nh khai nhận sau khi Gg hỏi về việc xin chuyển công tác cho chị Th1 thì Nh do nghe thông tin dư luận đồn thổi về ông Nguyễn Hòa B, sinh năm 1954 ở Đội 7, xã X, huyện S, tỉnh Hà Tĩnh đang tạm trú tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Hưng Yên (làm lao động tự do) có khả năng xin việc cho nhiều người nên Nh đã gặp ông B để nhờ xin chuyển công tác cho chị Th1 thì ông B đồng ý và hứa hẹn chắc chắn xin chuyển công tác được cho chị Th1 về trường Tiểu học HQ, xã H, huyện M, tỉnh Hải Dương với chi phí 130.000.000 đồng. Nh thỏa thuận với ông B giảm chi phí xuống còn 120.000.000 đồng còn 10.000.000 đồng là tiền công môi giới của Nh, đồng thời thanh toán làm 02 đợt, đợt 1 đưa trước 90.000.000 đồng còn 30.000.000 đồng sau khi xin chuyển được công tác sẽ thanh toán nốt. Sau đó, Nh thông báo với Gg nhận chuyển công tác cho chị Th1 với giá 145.000.000 đồng. Sau khi nhận của Gg 100.000.000 đồng thì Nh đưa cho ông B 90.000.000 đồng, Nh giữ lại 10.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Ông B có viết giấy biên nhận tiền cho Nh nhưng Nh đã làm mất. Đến thời hạn xin chuyển công tác ông B vẫn không xin chuyển được và liên lạc hứa hẹn đưa ra

nhiều lý do trì hoãn không trả lại số tiền trên. Ông B nói với Nh như nào thì Nh nói lại với Gg và bà Th như vậy.

Ngày 15/5/2018, Bà Tạ Thị Th làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TL tố giác Nguyễn Duy Gg có hành vi hứa hẹn xin chuyển việc cho con gái bà Th nhưng không thực hiện được và đã chiếm đoạt số tiền 145.000.000 đồng của bà từ tháng 4 năm 2016.

Ngày 09/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TL tiến hành đối chất giữa Vũ Văn Nh và ông Nguyễn Hòa B, bị cáo Nh giữ nguyên quan điểm như đã trình bày về nội dung vụ việc như đã nêu trên, tuy nhiên ông B khẳng định những nội dung mà Vũ Văn Nh khai là hoàn toàn không đúng sự thật, bản thân ông B không có khả năng xin chuyển công tác và cũng chưa từng gặp mặt Nh bao giờ.

Quá trình giải quyết tin báo, Cơ quan điều tra - Công an huyện TL đã lấy lời khai của Gg. Tại thời điểm khai báo Gg hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn đã thành khẩn khai nhận diễn biến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của Bà Th, phù hợp với lời khai của Nh và bà Th. Gg đã bồi thường cho Bà Th 45.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TL tiến hành làm việc với bị can Nguyễn Duy Gg thì Gg đang trong tình trạng bị bệnh tai biến nằm liệt một chỗ, không thể nói chuyện, làm việc được, mọi sinh hoạt cá nhân đều phụ thuộc vào người chăm sóc, do vậy Cơ quan điều tra không thể tiến hành hỏi cung bị can Gg được. Ngày 06/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TL ra Quyết định trưng cầu giám định tình trạng sức khỏe và khả năng nhận thức của bị can Gg nhưng do tình hình sức khỏe thực tế của Gg đang phải hỗ trợ máy thở oxy tại nhà nên không thể thực hiện yêu cầu của Cơ quan điều tra. Các Cơ quan tiến hành tố tụng huyện TL phối hợp với chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà Gg xác minh, đôn đốc để đưa Gg đi giám định nhưng do tình trạng sức khỏe của Gg không đủ đảm bảo an toàn tính mạng nếu di chuyển ra khỏi nhà nên chưa thể thực hiện được Quyết định trưng cầu giám định của Cơ quan điều tra.

Đồ vật, tài liệu thu giữ và vật chứng liên quan đến vụ án:

- Giấy cam đoan của Gg đề ngày 26/12/2017 về việc hứa thanh toán toàn bộ số tiền cho bà Th vào ngày 02/01/2018.
- Giấy khát nợ của Gg viết ngày 13/3/2017 về việc hẹn trả số tiền 145.000.000 đồng.
- Giấy biên nhận tiền ngày 14/4/2016 về việc Gg nhận được số tiền 120.000.000 đồng của bà Th và cháu Thủy.
- Giấy biên nhận tiền ngày 20/5/2016 về việc Gg nhận được số tiền 25.000.000 đồng của bà Th và cháu Thủy.
- Giấy biên nhận ngày 20/4/2016 về việc Nh nhận số tiền 100.000.000 đồng của Gg (thanh toán trước 70% của tổng số tiền 145.000.000 đồng) để xin việc cho con gái Bà Th.

Đối với số tiền 145.000.000 đồng mà Gg và Nh chiếm đoạt của bà Tạ Thị Th do Gg và Nh đã tiêu sài cá nhân hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại di động mà Nh sử dụng liên lạc trong quá trình thực hiện tội phạm do Nh không nhớ đặc điểm, nhãn hiệu và đã làm mất khi sử dụng nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự:

Vũ Văn Nh đã bồi thường số tiền 80.500.000 đồng cho bà Th, bà Th yêu cầu Nh phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 19.500.000 đồng.

Nguyễn Duy Gg đã bồi thường đủ số tiền 45.000.000 đồng cho bà Th vào năm 2019 nên bà Th không có yêu cầu, đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự đối với Gg.

Tại Cáo trạng số: 22/CT-VKS-TL ngày 19/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên đã truy tố Vũ Văn Nh về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL:

Giữ nguyên nội dung cáo trạng. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hình phạt: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Nh phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

+ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Văn Nh từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã HC, huyện K, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu trong quá trình chấp hành án bị cáo Vũ Văn Nh thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 3 Điều 92, khoản 3 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Vũ Văn Nh vi phạm nghĩa vụ chấp hành án 02 lần trở lên thì có thể bị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã tuyên theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 589, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Vũ Văn Nh phải bồi thường cho bà Tạ Thị Th số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày bà Th có đơn đề nghị về khoản tiền bồi thường nêu trên, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu bị cáo Nh không thi hành thì phải chịu lãi suất của số tiền và thời gian chưa thi hành.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện TL; Viện kiểm sát và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TL trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp khách quan với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại bà Tạ Thị Th; Lời khai của Nguyễn Duy Gg; Giấy biên nhận giao tiền giữa Nguyễn Duy Gg và bị cáo, giữa bị cáo và bà Tạ Thị Th; Lời khai của người làm chứng anh Nguyễn Duy H, anh Nguyễn Sinh C; Lời khai của bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng tháng 4 năm 2016, do biết được nhu cầu muốn xin chuyển công tác cho chị Dương Thị Th1 là con gái của bà Tạ Thị Th nên Vũ Văn Nh và Nguyễn Duy Gg mặc dù đều là lao động tự do, không có chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền gì về công tác tổ chức cán bộ nhưng đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra các thông tin khẳng định, hứa hẹn chắc chắn mình sẽ xin chuyển được công tác cho chị Th1 với tổng chi phí là 145.000.000 đồng khiến bà Th tin tưởng đã đưa 145.000.000 đồng cho Gg và Nh để xin chuyển công tác cho chị Th1. Sau đó Gg và Nh đã không thực hiện cam kết mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền 145.000.000 của bà Th để tiêu sài cá nhân hết.

Hành vi trên của Vũ Văn Nh đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện TL truy tố bị cáo về tội danh và áp dụng điều luật như Cáo trạng đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; Bị hại bà Th có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến an ninh, trật tự trị an xã hội, xâm phạm đến quyền tài sản của người khác, gây hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo là lao động tự do, không có chức năng, thẩm quyền trong việc chuyển công tác và cũng không quen biết ai có chức năng hay thẩm quyền trong việc chuyển công tác nhưng với mong muốn chiếm đoạt tài sản của người khác và lợi dụng sự thiếu hiểu biết của bị hại nên đã đưa ra những thông tin giả dối khiến bị hại tin tưởng giao tiền cho mình. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên bị cáo phải chịu trách nhiệm sự đối với hành vi phạm tội của mình.

Xét thấy sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã nhận thức được sai lầm của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do vậy không cần thiết bắt bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để thiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của nhà nước và tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp và không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Th số tiền 100.000.000đ, quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường số tiền 80.500.000 đồng, ngày 08/4/2025 bị cáo bồi thường số tiền 13.000.000 đồng, tổng cộng bị cáo đã bồi thường số tiền 93.500.000 đồng. Số tiền còn lại là 6.500.000 đồng, bà Th yêu cầu nên bị cáo phải bồi thường cho bà Th.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Duy Gg, do đến nay vẫn chưa có kết quả giám định tình trạng sức khỏe và khả năng nhận thức đối với Gg theo Quyết định trưng cầu giám định số 743/QĐ-ĐTTH ngày 06/11/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TL nên ngày 14/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TL đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 93 để tiếp tục điều tra làm rõ sau.

Đối với ông Nguyễn Hòa B, do ông B không biết Nh và những nội dung như bị cáo Nh đã khai nhận, đồng thời kết quả điều tra đến nay cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh ông B thực hiện những hành vi như Nh khai nhận nên không có căn cứ xử lý.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt, xử lý vật chứng, án phí đối với bị cáo là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn Nh phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn Nh 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã HC, huyện K, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu trong quá trình chấp hành án bị cáo Vũ Văn Nh thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 3 Điều 92, khoản 3 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Vũ Văn Nh vi phạm nghĩa vụ chấp hành án 02 lần trở lên thì có thể bị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã tuyên theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Vũ Văn Nh phải bồi thường cho bà Tạ Thị Th số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày bà Th có đơn đề nghị về khoản tiền bồi thường nêu trên, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu bị cáo Nh không thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Vũ Văn Nh phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 325.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Cộng bằng 525.000đ (*Năm trăm hai mươi năm ngàn đồng*) án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện TL;
- Chính quyền địa phương;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện TL;
- Lưu hồ sơ án phạt nhân thân;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Lý

- *Lưu hồ sơ vụ án.*